

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/QĐ-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 01 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật đối với  
Phòng khám đa khoa thuộc Trạm Y tế phường Hạnh Thông

### GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế Quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế về ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-SYT ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Sở Y tế về Thành lập Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 1008/QĐ-SYT ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Sở Y tế về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tổ chức lại các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế quận Gò Vấp và đổi tên Trung tâm Y tế quận Gò Vấp thành Trung tâm Y tế khu vực Gò Vấp trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Hạnh Thông về việc Thành lập Trạm Y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân phường Hạnh Thông;

Căn cứ Giấy phép hoạt động số 06498/HCM-GPHĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Sở Y tế cấp cho Phòng khám đa khoa Nguyễn Thái Sơn thuộc Khoa khám bệnh Trung tâm Y tế Quận Gò Vấp (nay là Phòng khám đa khoa thuộc Trạm Y tế phường Hạnh Thông);

✓



Theo đề nghị của Trạm Y tế phường Hạnh Thông tại hồ sơ số H29.19-251226-0238 ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám đa khoa thuộc Trạm Y tế phường Hạnh Thông (trường hợp thay đổi tên, địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm);

Căn cứ Công văn của Sở Y tế về việc điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám đa khoa thuộc Trạm Y tế phường Hạnh Thông,

Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cho phép Phòng khám đa khoa thuộc Trạm Y tế phường Hạnh Thông, địa chỉ số 201 Nguyễn Thái Sơn, phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo quy định của Thông tư số 23/2024/TT-BYT (danh mục kỹ thuật kèm theo).

**Điều 2.** Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là căn cứ pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển viện, thanh toán chi phí khám, chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phấn đấu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

**Điều 3.** Giám đốc Trạm Y tế phường Hạnh Thông và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật của Bộ Y tế. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì đơn vị phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định 1483/QĐ-SYT ngày 4 tháng 12 năm 2024 của Sở Y tế.

**Điều 5.** Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở, các tổ chức, cá nhân có liên quan, Giám đốc Trạm Y tế phường Hạnh Thông và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

#### Nơi nhận:

- Như điều 5;
- GD và các PGD Sở Y tế;
- UBND phường Hạnh Thông;
- P.CNTT, VPS (đăng Cổng TTĐT Sở Y tế);
- Lưu: VT, NVY (LLH).



Nguyễn Hồng Chương

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN ĐỐI VỚI  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA THUỘC TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HẠNH THỐNG**

(Kèm theo Quyết định số: 46 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Sở Y tế)

| TT | STT theo<br>TT23/2024/BYT<br>(cột 1) | Mã kỹ<br>thuật<br>(cột 2) | Tên chương (cột 3)                  | Tên kỹ thuật (cột 4)                                                 |
|----|--------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 1  | 1                                    | 1.1                       | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Theo dõi huyết áp liên tục không xâm<br>nhập tại giường              |
| 2  | 2                                    | 1.2                       | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Ghi điện tim cấp cứu tại giường                                      |
| 3  | 3                                    | 1.3                       | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường<br>liên tục                     |
| 4  | 5                                    | 1.5                       | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Làm test phục hồi máu mao mạch                                       |
| 5  | 28                                   | 1.28                      | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Theo dõi SPO2 liên tục tại giường                                    |
| 6  | 57                                   | 1.57                      | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Thở oxy qua gọng kính                                                |
| 7  | 58                                   | 1.58                      | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Thở oxy qua mặt nạ không có túi                                      |
| 8  | 59                                   | 1.59                      | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Thở oxy qua mặt nạ có túi có hít lại<br>(túi không có van)           |
| 9  | 61                                   | 1.61                      | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)                                       |
| 10 | 65                                   | 1.65                      | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Bóp bóng ambu qua mặt nạ                                             |
| 11 | 86                                   | 1.86                      | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)                                     |
| 12 | 213                                  | 1.213                     | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Điều trị co giật liên tục                                            |
| 13 | 239                                  | 1.239                     | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu                                    |
| 14 | 251                                  | 1.251                     | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh<br>mạch (một lần chọc kim qua da) |
| 15 | 252                                  | 1.252                     | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch                                         |
| 16 | 269                                  | 1.269                     | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Băng ép bất động sơ cứu rạn cần                                      |
| 17 | 270                                  | 1.270                     | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Ga rô hoặc băng ép cầm máu                                           |
| 18 | 275                                  | 1.275                     | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Băng bó vết thương                                                   |
| 19 | 276                                  | 1.276                     | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU<br>VÀ CHỐNG ĐỘC | Cố định tạm thời người bệnh gãy<br>xương                             |

✓

| TT | STT theo TT23/2024/BYT (cột 1) | Mã kỹ thuật (cột 2) | Tên chương (cột 3)               | Tên kỹ thuật (cột 4)                                          |
|----|--------------------------------|---------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 20 | 277                            | 1.277               | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC | Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng                             |
| 21 | 281                            | 1.281               | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC | Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)            |
| 22 | 303                            | 1.303               | 01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC | Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh                               |
| 23 | 403                            | 2.1                 | 02. NỘI KHOA                     | Bóp bóng ambu qua mặt nạ                                      |
| 24 | 434                            | 2.32                | 02. NỘI KHOA                     | Khí dung thuốc giãn phế quản                                  |
| 25 | 487                            | 2.85                | 02. NỘI KHOA                     | Điện tim thường                                               |
| 26 | 566                            | 2.164               | 02. NỘI KHOA                     | Theo dõi SPO2 liên tục tại giường                             |
| 27 | 590                            | 2.188               | 02. NỘI KHOA                     | Đặt sonde bàng quang                                          |
| 28 | 716                            | 2.314               | 02. NỘI KHOA                     | Siêu âm ổ bụng                                                |
| 29 | 738                            | 2.336               | 02. NỘI KHOA                     | Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân                         |
| 30 | 1165                           | 3.44                | 03. NHI KHOA                     | Ghi điện tim cấp cứu tại giường                               |
| 31 | 1172                           | 3.51                | 03. NHI KHOA                     | Ép tim ngoài lồng ngực                                        |
| 32 | 1210                           | 3.89                | 03. NHI KHOA                     | Khí dung thuốc cấp cứu                                        |
| 33 | 1214                           | 3.93                | 03. NHI KHOA                     | Vận động trị liệu hô hấp                                      |
| 34 | 1226                           | 3.105               | 03. NHI KHOA                     | Thở ngắt                                                      |
| 35 | 1227                           | 3.106               | 03. NHI KHOA                     | Bóp bóng ambu qua mặt nạ                                      |
| 36 | 1228                           | 3.107               | 03. NHI KHOA                     | Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)                     |
| 37 | 1229                           | 3.108               | 03. NHI KHOA                     | Thở oxy gọng kính                                             |
| 38 | 1230                           | 3.109               | 03. NHI KHOA                     | Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi                    |
| 39 | 1231                           | 3.110               | 03. NHI KHOA                     | Thở oxy qua mặt nạ có túi                                     |
| 40 | 1234                           | 3.113               | 03. NHI KHOA                     | Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp                                |
| 41 | 1255                           | 3.134               | 03. NHI KHOA                     | Hồi sức chống sốc                                             |
| 42 | 1270                           | 3.149               | 03. NHI KHOA                     | Điều trị co giật liên tục (điều trị trạng thái động kinh)     |
| 43 | 1292                           | 3.171               | 03. NHI KHOA                     | Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu                             |
| 44 | 1309                           | 3.188               | 03. NHI KHOA                     | Siêu âm đen trắng tại giường bệnh                             |
| 45 | 1312                           | 3.191               | 03. NHI KHOA                     | Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường                      |
| 46 | 1324                           | 3.203               | 03. NHI KHOA                     | Cầm máu (vết thương chảy máu)                                 |
| 47 | 1325                           | 3.204               | 03. NHI KHOA                     | Vận chuyển người bệnh an toàn                                 |
| 48 | 2827                           | 3.1706              | 03. NHI KHOA                     | Lấy dị vật kết mạc                                            |
| 49 | 2828                           | 3.1707              | 03. NHI KHOA                     | Khám mắt                                                      |
| 50 | 3034                           | 3.1914              | 03. NHI KHOA                     | Nhổ răng vĩnh viễn lung lay                                   |
| 51 | 3035                           | 3.1915              | 03. NHI KHOA                     | Nhổ chân răng vĩnh viễn                                       |
| 52 | 3036                           | 3.1916              | 03. NHI KHOA                     | Nhổ răng thừa                                                 |
| 53 | 3037                           | 3.1917              | 03. NHI KHOA                     | Nhổ răng vĩnh viễn                                            |
| 54 | 3039                           | 3.1919              | 03. NHI KHOA                     | Nhổ răng vĩnh viễn lung lay                                   |
| 55 | 3040                           | 3.1920              | 03. NHI KHOA                     | Nhổ chân răng vĩnh viễn                                       |
| 56 | 3041                           | 3.1921              | 03. NHI KHOA                     | Nhổ răng thừa                                                 |
| 57 | 3042                           | 3.1922              | 03. NHI KHOA                     | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC) |
| 58 | 3046                           | 3.1926              | 03. NHI KHOA                     | Điều trị viêm lợi do mọc răng                                 |
| 59 | 3047                           | 3.1927              | 03. NHI KHOA                     | Điều trị viêm quanh thân răng cấp                             |

✓

| TT | STT theo TT23/2024/BYT (cột 1) | Mã kỹ thuật (cột 2) | Tên chương (cột 3) | Tên kỹ thuật (cột 4)                                              |
|----|--------------------------------|---------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 60 | 3048                           | 3.1928              | 03. NHI KHOA       | Điều trị viêm quanh răng                                          |
| 61 | 3049                           | 3.1929              | 03. NHI KHOA       | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite                     |
| 62 | 3050                           | 3.1930              | 03. NHI KHOA       | Phục hồi cổ răng bằng Glassionomer Cement (GiC)                   |
| 63 | 3051                           | 3.1931              | 03. NHI KHOA       | Phục hồi cổ răng bằng Composite                                   |
| 64 | 3057                           | 3.1937              | 03. NHI KHOA       | Trám bít hõ rãnh với Glassionomer Cement (GiC) hóa trùng hợp      |
| 65 | 3060                           | 3.1940              | 03. NHI KHOA       | Trám bít hõ rãnh với Composite quang trùng hợp                    |
| 66 | 3062                           | 3.1942              | 03. NHI KHOA       | Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục                            |
| 67 | 3070                           | 3.1950              | 03. NHI KHOA       | Hàn răng không sang chân với Glassionomer Cement (GiC)            |
| 68 | 3071                           | 3.1952              | 03. NHI KHOA       | Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Composite                 |
| 69 | 3072                           | 3.1953              | 03. NHI KHOA       | Trám bít hõ rãnh bằng Glassionomer Cement (GiC)                   |
| 70 | 3073                           | 3.1954              | 03. NHI KHOA       | Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC) |
| 71 | 3074                           | 3.1955              | 03. NHI KHOA       | Nhổ răng sữa                                                      |
| 72 | 3075                           | 3.1956              | 03. NHI KHOA       | Nhổ chân răng sữa                                                 |
| 73 | 3076                           | 3.1957              | 03. NHI KHOA       | Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em                          |
| 74 | 3077                           | 3.1958              | 03. NHI KHOA       | Trích áp xe lợi trẻ em                                            |
| 75 | 3078                           | 3.1959              | 03. NHI KHOA       | Điều trị viêm lợi trẻ em                                          |
| 76 | 3079                           | 3.1960              | 03. NHI KHOA       | Trích áp xe lợi                                                   |
| 77 | 3080                           | 3.1961              | 03. NHI KHOA       | Điều trị viêm lợi do mọc răng                                     |
| 78 | 3089                           | 3.1970              | 03. NHI KHOA       | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Eugenate                      |
| 79 | 3090                           | 3.1972              | 03. NHI KHOA       | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC)     |
| 80 | 3193                           | 3.2075              | 03. NHI KHOA       | Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp                          |
| 81 | 3195                           | 3.2077              | 03. NHI KHOA       | Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt                           |
| 82 | 3505                           | 3.2387              | 03. NHI KHOA       | Tiêm trong da                                                     |
| 83 | 3506                           | 3.2388              | 03. NHI KHOA       | Tiêm dưới da                                                      |
| 84 | 3507                           | 3.2389              | 03. NHI KHOA       | Tiêm bắp thịt                                                     |
| 85 | 3508                           | 3.2390              | 03. NHI KHOA       | Tiêm tĩnh mạch                                                    |
| 86 | 3509                           | 3.2391              | 03. NHI KHOA       | Truyền tĩnh mạch                                                  |
| 87 | 5490                           | 5.45                | 05. DA LIỄU        | Điều trị hạt com bằng đốt điện                                    |
| 88 | 5491                           | 5.46                | 05. DA LIỄU        | Điều trị u mềm treo bằng đốt điện                                 |
| 89 | 5492                           | 5.47                | 05. DA LIỄU        | Điều trị dày sừng da đầu bằng đốt điện                            |
| 90 | 5493                           | 5.48                | 05. DA LIỄU        | Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện                          |
| 91 | 5494                           | 5.49                | 05. DA LIỄU        | Điều trị sản cục bằng đốt điện                                    |
| 92 | 5495                           | 5.50                | 05. DA LIỄU        | Điều trị bớt sùi bằng đốt điện                                    |
| 93 | 5496                           | 5.51                | 05. DA LIỄU        | Điều trị u mềm lây bằng nạo thương                                |

| TT  | STT theo TT23/2024/BYT (cột 1) | Mã kỹ thuật (cột 2) | Tên chương (cột 3)  | Tên kỹ thuật (cột 4)                                                                                 |
|-----|--------------------------------|---------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                |                     |                     | tôn                                                                                                  |
| 94  | 5516                           | 5.71                | 05. DA LIỄU         | Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da                                                                   |
| 95  | 5888                           | 7.235               | 07. NỘI TIẾT        | Các tiểu phẫu ở người bệnh đái tháo đường (kiểm soát đường huyết kém) (danh từ tiểu phẫu cần ghi rõ) |
| 96  | 5892                           | 7.239               | 07. NỘI TIẾT        | Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin                                                                      |
| 97  | 5893                           | 7.240               | 07. NỘI TIẾT        | Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân                                                                       |
| 98  | 5894                           | 7.241               | 07. NỘI TIẾT        | Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện                                                                |
| 99  | 5943                           | 8.8                 | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Ôn châm                                                                                              |
| 100 | 5945                           | 8.10                | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Chích lễ                                                                                             |
| 101 | 6213                           | 8.278               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị hội chứng tiền đình                                                               |
| 102 | 6214                           | 8.279               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị huyết áp thấp                                                                     |
| 103 | 6215                           | 8.280               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Luyện tập dưỡng sinh                                                                                 |
| 104 | 6216                           | 8.281               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị hội chứng stress                                                                  |
| 105 | 6217                           | 8.282               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị cảm mạo                                                                           |
| 106 | 6226                           | 8.291               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị viêm bàng quang                                                                   |
| 107 | 6227                           | 8.292               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện                                                                |
| 108 | 6228                           | 8.293               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị bí đái cơ năng                                                                    |
| 109 | 6229                           | 8.294               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị sa tử cung                                                                        |
| 110 | 6230                           | 8.295               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh                                                           |
| 111 | 6231                           | 8.296               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống                                               |
| 112 | 6232                           | 8.297               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não                               |
| 113 | 6233                           | 8.298               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp                                                              |
| 114 | 6234                           | 8.299               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị khản tiếng                                                                        |
| 115 | 6235                           | 8.300               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi                                                         |
| 116 | 6236                           | 8.301               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị liệt chi trên                                                                     |
| 117 | 6237                           | 8.302               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị chắp lẹo                                                                          |
| 118 | 6238                           | 8.303               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị đau hồ mắt                                                                        |
| 119 | 6241                           | 8.306               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị lác cơ năng                                                                       |
| 120 | 6242                           | 8.307               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông                                                            |
| 121 | 6245                           | 8.310               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị viêm mũi xoang                                                                    |
| 122 | 6246                           | 8.311               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa                                                                 |
| 123 | 6248                           | 8.313               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp                                                             |
| 124 | 6249                           | 8.314               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị ù tai                                                                             |
| 125 | 6250                           | 8.315               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị giảm khứu giác                                                                    |
| 126 | 6251                           | 8.316               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh                                          |
| 127 | 6252                           | 8.317               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật                                                       |
| 128 | 6254                           | 8.319               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị giảm đau do zona                                                                  |

| TT  | STT theo TT23/2024/BYT (cột 1) | Mã kỹ thuật (cột 2) | Tên chương (cột 3)  | Tên kỹ thuật (cột 4)                                       |
|-----|--------------------------------|---------------------|---------------------|------------------------------------------------------------|
| 129 | 6255                           | 8.320               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh    |
| 130 | 6256                           | 8.321               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt                        |
| 131 | 6257                           | 8.322               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị hội chứng thất lưng- hông               |
| 132 | 6258                           | 8.323               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu                    |
| 133 | 6259                           | 8.324               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị mất ngủ                                 |
| 134 | 6261                           | 8.326               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị nấc                                     |
| 135 | 6262                           | 8.327               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm                            |
| 136 | 6265                           | 8.330               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não |
| 137 | 6266                           | 8.331               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng               |
| 138 | 6283                           | 8.348               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị thông kinh                              |
| 139 | 6284                           | 8.349               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt                    |
| 140 | 6285                           | 8.350               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị đái dầm                                 |
| 141 | 6286                           | 8.351               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình                     |
| 142 | 6287                           | 8.352               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị đau vai gáy                             |
| 143 | 6288                           | 8.353               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị hen phế quản                            |
| 144 | 6289                           | 8.354               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị huyết áp thấp                           |
| 145 | 6290                           | 8.355               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính       |
| 146 | 6291                           | 8.356               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên       |
| 147 | 6292                           | 8.357               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn             |
| 148 | 6294                           | 8.359               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị đau dây V                               |
| 149 | 6295                           | 8.360               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống |
| 150 | 6296                           | 8.361               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não    |
| 151 | 6300                           | 8.365               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị liệt chi trên                           |
| 152 | 6301                           | 8.366               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới                       |
| 153 | 6302                           | 8.367               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị sụp mí                                  |
| 154 | 6306                           | 8.371               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị viêm mũi xoang                          |
| 155 | 6307                           | 8.372               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa                       |
| 156 | 6309                           | 8.374               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị táo bón kéo dài                         |
| 157 | 6310                           | 8.375               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp              |
| 158 | 6311                           | 8.376               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp                   |
| 159 | 6312                           | 8.377               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai                     |
| 160 | 6313                           | 8.378               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Thủy châm điều trị đau lưng                                |
| 161 | 6324                           | 8.389               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên                   |

✓

| TT  | STT theo TT23/2024/BYT (cột 1) | Mã kỹ thuật (cột 2) | Tên chương (cột 3)  | Tên kỹ thuật (cột 4)                                               |
|-----|--------------------------------|---------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 162 | 6325                           | 8.390               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới                           |
| 163 | 6326                           | 8.391               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não |
| 164 | 6327                           | 8.392               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông               |
| 165 | 6328                           | 8.393               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não                        |
| 166 | 6331                           | 8.396               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên                      |
| 167 | 6332                           | 8.397               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới                      |
| 168 | 6333                           | 8.398               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất                            |
| 169 | 6334                           | 8.399               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em                     |
| 170 | 6335                           | 8.400               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Nhĩ châm                                                           |
| 171 | 6336                           | 8.401               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác                          |
| 172 | 6337                           | 8.402               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ                     |
| 173 | 6341                           | 8.406               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược                       |
| 174 | 6342                           | 8.407               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp                    |
| 175 | 6343                           | 8.408               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu                    |
| 176 | 6344                           | 8.409               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ                                 |
| 177 | 6345                           | 8.410               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Châm tê phẫu thuật cắt u tuyến mang tai                            |
| 178 | 6346                           | 8.411               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính       |
| 179 | 6347                           | 8.412               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh |
| 180 | 6348                           | 8.413               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V              |
| 181 | 6349                           | 8.414               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên    |
| 182 | 6350                           | 8.415               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí                                  |
| 183 | 6353                           | 8.418               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực                            |
| 184 | 6354                           | 8.419               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình                     |
| 185 | 6355                           | 8.420               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Châm tê phẫu thuật tai xương chũm trong viêm tắc tĩnh mạch bên     |
| 186 | 6356                           | 8.421               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang                          |
| 187 | 6357                           | 8.422               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản                            |

✓

| TT  | STT theo TT23/2024/BYT (cột 1) | Mã kỹ thuật (cột 2) | Tên chương (cột 3)  | Tên kỹ thuật (cột 4)                                                         |
|-----|--------------------------------|---------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 188 | 6358                           | 8.423               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp                              |
| 189 | 6359                           | 8.424               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp                                     |
| 190 | 6360                           | 8.425               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn                           |
| 191 | 6361                           | 8.426               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng                        |
| 192 | 6362                           | 8.427               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc                                               |
| 193 | 6363                           | 8.428               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp                               |
| 194 | 6364                           | 8.429               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp                             |
| 195 | 6365                           | 8.430               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Châm tê phẫu thuật xoang trán                                                |
| 196 | 6366                           | 8.431               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai                               |
| 197 | 6367                           | 8.432               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy                                 |
| 198 | 6368                           | 8.433               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt                                  |
| 199 | 6369                           | 8.434               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi                         |
| 200 | 6371                           | 8.436               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt                              |
| 201 | 6372                           | 8.437               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh                                     |
| 202 | 6373                           | 8.438               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh                           |
| 203 | 6374                           | 8.439               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón                                           |
| 204 | 6375                           | 8.440               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Châm tê phẫu thuật cắt u thành sau họng                                      |
| 205 | 6376                           | 8.441               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông                            |
| 206 | 6377                           | 8.442               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng                                    |
| 207 | 6378                           | 8.443               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật                       |
| 208 | 6380                           | 8.445               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não |
| 209 | 6381                           | 8.446               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống               |
| 210 | 6382                           | 8.447               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật                           |
| 211 | 6384                           | 8.449               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm                                           |
| 212 | 6386                           | 8.451               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn                         |
| 213 | 6387                           | 8.452               | 08. Y HỌC CỔ TRUYỀN | Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn                                    |